

2. Simple sentences (Câu đơn)

Bài Tập 1: Xác định các từ hoặc cụm từ được in nghiêng trong các câu sau là **Object (O)** hay **Adverb (Adv)**.

Đáp án

1. a long letter – O
2. at home – Adv
3. me – O
4. his coffee – O
5. you tomorrow – you: O, tomorrow: Adv
6. TV at night – TV: O, at night: Adv
7. her a gift – her: O (indirect), a gift: O (direct)
8. video games – O
9. your friend – O
10. to the beach – Adv

Bài Tập 2: Viết **S** trước câu đơn, **C** trước câu ghép.

Đáp án:

1. **C** – My brother studies hard **and** he always helps me with my homework. (*Compound: 2 independent clauses joined by "and"*)
2. **S** – We went to the park yesterday. (*Simple*)
3. **C** – She likes chocolate, **but** I prefer ice cream. (*Compound*)
4. **S** – The cat is sleeping on the sofa. (*Simple*)
5. **S** – I enjoy reading books and listening to music. (*Simple: compound verb phrase, not separate clauses*)

Bài Tập 3: Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh đúng ngữ pháp.

Đáp án:

1. She always has breakfast at 7 a.m.
2. My dogs often play in the yard.
3. She sang beautifully last night.
4. Anna helps her mom every weekend.
5. I drink coffee every morning.
6. John always reads a book before bed.

Bài tập 4: Đọc từng câu dưới đây, xác định xem nó thuộc cấu trúc:

Đáp án

1. My mother cooks every day.
 - S + V + Adv (Chủ ngữ = My mother, Động từ = cooks, Trạng từ chỉ thời gian = every)

day. Ở đây không có tân ngữ – “cooks” hoạt động như một nội động từ hoặc “cooks something” được lược bỏ.)

2. They play football in the park.

- S + V + O + Adv (Chủ ngữ = They, Động từ = play, Tân ngữ = football, Trạng ngữ nơi chốn = in the park)

3. The baby cries.

- S + V (Chủ ngữ = The baby, Động từ = cries, không có tân ngữ hay trạng ngữ)

4. I watch movies on weekends.

- S + V + O + Adv (Chủ ngữ = I, Động từ = watch, Tân ngữ = movies, Trạng ngữ thời gian = on weekends)

5. My parents live abroad.

- S + V + Adv (Chủ ngữ = My parents, Động từ = live, Trạng ngữ nơi chốn = abroad)

6. Sara eats bread quickly.

- S + V + O + Adv (Chủ ngữ = Sara, Động từ = eats, Tân ngữ = bread, Trạng ngữ cách thức = quickly)

Bài tập 5: Sắp xếp các từ sau để tạo thành câu đơn hoàn chỉnh theo cấu trúc S + V, S + V + O, hoặc S + V + O + Adv. Sau khi sắp xếp, hãy xác định cấu trúc câu.

Đáp án

1. I drink coffee every morning.

- Cấu trúc: S + V + O + Adv
- (S = I, V = drink, O = coffee, Adv = every morning)

2. The baby sleeps soundly.

- Cấu trúc: S + V + Adv
- (S = The baby, V = sleeps, Adv = soundly)

3. We study English at school.

- Cấu trúc: S + V + O + Adv
- (S = We, V = study, O = English, Adv = at school)

4. They own a big house.

- Cấu trúc: S + V + O
- (S = They, V = own, O = a big house)

5. She smiles.

- Cấu trúc: S + V
- (S = She, V = smiles)